

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

#SoKyHieuVanBan

#DiaDiemNgayBanHanh

KẾ HOẠCH

Đào tạo nghề cho lao động; Hỗ trợ học nghề và giải quyết việc làm cho người lao động thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi năm 2023

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Đào tạo nghề cho lao động nông thôn, thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, người chấp hành xong án phạt tù; Hỗ trợ học nghề và giải quyết việc làm cho người lao động thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi năm 2023 nhằm trang bị cho người lao động kiến thức cơ bản, kỹ năng nghề, nâng cao trình độ tay nghề cho lao động nông thôn, tạo điều kiện cho người lao động sau đào tạo nghề có việc làm, tăng thu nhập góp phần nâng cao đời sống tinh thần vật chất và góp phần phát triển kinh tế xã hội.

2. Yêu cầu

- Đào tạo nghề phải gắn với nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề cho lao động, đảm bảo đào tạo nghề đúng đối tượng, đúng nhu cầu học nghề của người lao động, đúng quy định.

II. NỘI DUNG

1. Chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng theo Quyết định 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ:

a, Đối tượng:

Người học là phụ nữ, lao động nông thôn, người khuyết tật tham gia học các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng, trong đó ưu tiên người khuyết tật và các đối tượng là người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm, ngư dân; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

b, Mức hỗ trợ chi phí đào tạo:

- Người khuyết tật: Mức tối đa 06 triệu đồng/người/khóa học.
- Người thuộc hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo; người thuộc hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ: Mức tối đa 04 triệu đồng/người/khóa học.

- Người dân tộc thiểu số, người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm, ngư dân: Mức tối đa 03 triệu đồng/người/khóa học.

- Người thuộc hộ cận nghèo: Mức tối đa 2,5 triệu đồng/người/khóa học.

- Người học là phụ nữ, lao động nông thôn không thuộc các đối tượng quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 của Điều này: Mức tối đa 02 triệu đồng/người/khóa học.

- Riêng ngư dân học các nghề: Vận hành tàu vỏ thép, tàu vỏ vật liệu mới, kỹ thuật khai thác, bảo quản sản phẩm theo công nghệ mới đối với tàu có tổng công suất máy chính từ 400CV trở lên được hỗ trợ 100% chi phí đào tạo và thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ.

- Trường hợp người học đồng thời thuộc các đối tượng nêu tại các Khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 của Điều này chỉ được hưởng một mức hỗ trợ chi phí đào tạo cao nhất.

- Mức chi phí đào tạo cho từng nghề và mức hỗ trợ cụ thể đối với từng đối tượng tham gia học chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng thực hiện theo Quyết định 38/2014/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Nam và Quyết định số 1655/QĐ-UBND ngày 10/5/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt tạm thời danh mục, định mức kinh phí đào tạo và mức hỗ trợ học nghề cho người khuyết tật trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

c, Mức hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại

- Đối tượng được hỗ trợ: Người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm tham gia học các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng.

- Mức hỗ trợ:

* Mức hỗ trợ tiền ăn 30.000 đồng/người/ngày thực học.

* Mức hỗ trợ tiền đi lại 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên.

Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ: Mức hỗ trợ tiền đi lại 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên.

2. Chính sách Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an:

a, Điều kiện thanh niên được hỗ trợ đào tạo

- Được cơ quan thẩm quyền cấp Thẻ học nghề, Thẻ học nghề còn giá trị sử dụng (01 năm kể từ ngày cấp).

- Chưa được hỗ trợ đào tạo nghề từ các chính sách hỗ trợ khác có sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước kể từ ngày hoàn thành nghĩa vụ.

b, Hồ sơ đăng ký học nghề

- Thanh niên nộp hồ sơ đăng ký học nghề tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh kèm theo các giấy tờ sau:

- Thẻ học nghề (bản gốc);

- Quyết định xuất ngũ (bản sao) đối với thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an; giấy chứng nhận tham gia hoạt động tình nguyện (bản sao) đối với thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội;

- Giấy cam kết chưa được hỗ trợ đào tạo nghề từ chính sách hỗ trợ đào tạo nghề khác có sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước kể từ ngày hoàn thành nghĩa vụ (*theo mẫu quy định tại Thông tư 43/2016/TT-BLĐTBXH*).

3. Công tác giáo dục nghề nghiệp, giải quyết việc làm cho người chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương

- Công tác giáo dục nghề nghiệp, giải quyết việc làm cho người chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương được thực hiện lồng ghép với các chính sách hiện hành (không quy định chính sách riêng).

Trên cơ sở danh sách người chấp hành xong án phạt tù do Công an tỉnh, Công an huyện cung cấp; các xã, thị trấn cần tổ chức tư vấn, định hướng giáo dục nghề nghiệp, việc làm và thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo cho những người có nhu cầu theo Quyết định 46/2015/QĐ-TTg.

4. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 (Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi):

+ Hỗ trợ người lao động thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng;

+ Chuẩn hóa kỹ năng lao động và kết nối hiệu quả đào tạo và giải quyết việc làm. Cung cấp thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm cho lao động là người dân tộc thiểu số;

+ Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

+ Xây dựng các mô hình đào tạo nghề, giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu đào tạo nghề phù hợp với điều kiện tự nhiên và tập quán của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi gắn với giải quyết việc làm và hiệu quả việc làm sau đào tạo;

+ Hỗ trợ đào tạo nghề;

+ Tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp, học nghề, việc làm và các dịch vụ hỗ trợ việc làm, đi làm việc ở nước ngoài; kiểm tra, giám sát đánh giá.

5. Chỉ tiêu, kinh phí

a, Đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng theo Quyết định 46/2015/QĐ-TTg cho 120 người. Cụ thể:

+ Nghề nông nghiệp : 50 người;

+ Nghề phi nông nghiệp: 70 người.

- Kinh phí đào tạo là 200.000.000 đồng. Trong đó:

+ Nghề nông nghiệp : 50.000.000 đồng;

+ Nghề phi nông nghiệp: 150.000.000 đồng.

b, Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi:

- Số lượng: 70 người

- Kinh phí: 269.600.000 đồng.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ đào tạo lao động của tỉnh và trung ương, tạo việc làm cho lao động nông thôn.

- Phối hợp với UBND các xã, thị trấn triển khai, hướng dẫn tổ chức tuyển sinh, đào tạo, hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn;

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện đào tạo nghề tại các lớp đào tạo nghề tại các xã, thị trấn, tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo UBND huyện và Sở Lao động – Thương binh và Xã hội theo quy định.

2. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, phối hợp với các cơ sở đào tạo nghề tổ chức đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn đảm bảo theo định hướng phát triển của ngành nông nghiệp, nhu cầu đào tạo lao động theo ngành, nghề của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và chuyển dịch cơ cấu lao động giữa các ngành. Định kỳ 6 tháng, năm báo cáo kết quả thực hiện về UBND huyện (qua Phòng Lao động - TB&XH) để tổng hợp.

3. Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp các phòng, ban, ngành liên quan tiếp tục triển khai, thực hiện Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trung học phổ thông giai đoạn 2018-2025 đặc biệt là công tác phân luồng học sinh sau THCS.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tư vấn, giáo dục định hướng nghề nghiệp, phối hợp phân luồng học sinh THCS tham gia học nghề. Nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong các trường trung học cơ sở để học sinh hiểu đúng hơn về giáo dục nghề nghiệp và chủ động lựa chọn các loại hình đào tạo nghề sau khi tốt nghiệp.

4. Phòng Tài chính – Kế hoạch

- Căn cứ nguồn ngân sách đã cân đối phân bổ cho các đơn vị theo kế hoạch đề tổ chức thực hiện đào tạo nghề cho lao động

- Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng kinh phí đào tạo cho lao động nông thôn theo quy định.

5. Phòng Văn hóa - Thông tin

Thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền các chính sách hỗ trợ và ngành nghề đào tạo cho lao động nông thôn.

6. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện

- Tăng cường hoạt động tuyên truyền chính sách của Nhà nước về hỗ trợ cho lao động nông thôn học nghề được vay vốn tín dụng ưu đãi theo các quy định hiện hành.

- Hướng dẫn quy trình, thủ tục và thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi theo quy định của Nhà nước đối với lao động nông thôn trong và sau khi học nghề có nhu cầu vay vốn.

7. Các Hội, Đoàn thể có liên quan

Tổ chức tuyên truyền đến các hội viên, đoàn viên thanh niên nhận thức được vai trò, tầm quan trọng của việc học nghề góp phần phát triển kinh tế xã hội, giảm

nghèo bền vững.

- Phối hợp triển khai, thực hiện kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ thuộc lĩnh vực, phân cấp quản lý.

8. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức phổ biến các chính sách về đào tạo nghề cho lao động; cung cấp các thông tin về đào tạo nghề, điều kiện học nghề, chính sách hỗ trợ học nghề.

- Thực hiện khảo sát, thống kê số lao động có nhu cầu thực tế học nghề tại địa phương, đồng thời lập danh sách gửi Phòng LĐ-TB&XH chậm nhất đến ngày **15/5/2023** để phối hợp tổ chức đào tạo nghề cho lao động.

- Kiểm tra, xác minh đơn xin học nghề của người lao động trên địa bàn về đối tượng học và các điều kiện làm việc sau khi đăng ký học nghề.

- Tạo điều kiện cho người học nghề tiếp cận các nguồn vốn tín dụng tại địa phương, hỗ trợ bằng nhiều hình thức giúp người lao động tổ chức sản xuất có hiệu quả, tiêu thụ sản phẩm, giải quyết việc làm sau học nghề; phối hợp với các cơ sở đào tạo nghề mở lớp đào tạo tại UBND xã.

- Tổ chức quản lý, giám sát công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn. Tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai thực hiện định kỳ, đột xuất về UBND huyện (qua Phòng Lao động - TB&XH) để tổng hợp, báo cáo UBND Huyện.

Trên đây là Kế hoạch đào tạo lao động năm 2023 trên địa bàn huyện Núi Thành. UBND huyện đề nghị các phòng, ban, ngành, đoàn thể, UBND các xã, thị trấn, quan tâm triển khai, tổ chức thực hiện./.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Sở LĐ-TB&XH (BC);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các Hội, Đoàn thể huyện;
- Các phòng: TCKH, NN&PTNT, LĐTBXH, VH TT, GD-ĐT;
- Cơ quan quân sự huyện;
- Công an huyện;
- Chi nhánh NHCSXH huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VT.